

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Thông báo số: 45/TB-UBND ngày 02/10/ 2023 của UBND xã Gia Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	8,860,799,700	8,860,799,700	8,163,055,874	8,163,055,874	92.13	92.13
I	I. Các khoản thu 100%	56,000,000	56,000,000	68,829,275	68,829,275	122.91	122.91
	1. Phí, lệ phí	12,000,000	12,000,000	11,271,500	11,271,500	93.93	93.93
	2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14,000,000	14,000,000	16,275,000	16,275,000	116.25	116.25
	3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			4,682,775	4,682,775		
	5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo						
	6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	8. Thu khác	30,000,000	30,000,000	36,600,000	36,600,000	122	122
II	II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	285,000,000	285,000,000	489,426,899	489,426,899	171.73	171.73
	1. Các khoản thu phân chia	149,000,000	149,000,000	179,313,225	179,313,225	120.34	120.34
	1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	68,000,000	68,000,000	123,448,320	123,448,320	181.54	181.54
	1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21,000,000	21,000,000	16,900,000	16,900,000	80.48	80.48
	1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	60,000,000	60,000,000	38,964,905	38,964,905	64.94	64.94
	2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	136,000,000	136,000,000	310,113,674	310,113,674	228.02	228.02
	2.1. Thu tiền sử dụng đất			154,091,250	154,091,250		
	2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
	2.3. Thuế tài nguyên						
	2.4. Thuế giá trị gia tăng	88,000,000	88,000,000	99,076,053	99,076,053	112.59	112.59
	2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	2.6. Thuế thu nhập cá nhân	48,000,000	48,000,000	56,946,371	56,946,371	118.64	118.64
	2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	IV. Thu chuyển nguồn	3,879,805,700	3,879,805,700	3,879,805,700	3,879,805,700	100	100

V	V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,639,994,000	4,639,994,000	3,724,994,000	3,724,994,000	80.28	80.28
	1. Bổ sung cân đối ngân sách	3,995,000,000	3,995,000,000	3,080,000,000	3,080,000,000	77.1	77.1
	2. Bổ sung có mục tiêu	644,994,000	644,994,000	644,994,000	644,994,000	100	100

